

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2008

I. LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	01
II. BÁO CÁO CỦA HĐQT NHIỆM KỲ TRONG NAWM 2008	05
III. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	06
IV. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	11
V. BẢNG GIẢI TRÌNH KẾ TOÁN TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO KIỂM TOÁN	13
VI. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ	14
VII. BẢNG GIẢI TRÌNH KẾ TOÁN TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO KIỂM TOÁN	16
VIII. THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY	17

MẪU CBTT-02

(Ban hành kèm theo Thông tư số 57/2004/TT-BTC ngày 17/6/2004 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2008

- Tên thành lập : **CÔNG TY CỔ PHẦN PETEC BÌNH ĐỊNH**
- Tên giao dịch : Petec Binh Dinh Joint Stock Company
- Tên viết tắt : PETEC BIDICO
- Giấy phép đăng ký kinh doanh số **35 03 000014** do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp (lần thứ sáu) ngày 24/5/2007.
- Mã ch/khoán (OTC): PTB
- Trụ sở chính : 389 Trần Hưng Đạo- Thành phố Quy Nhơn- Bình Định
- Điện thoại : 056.3 822233 - Fax : 056.3 823863.
- Website : www.petecbidico.com.vn
- Email : info@petecbidico.com.vn

I. Lịch sử hoạt động của Công ty

1. Những sự kiện quan trọng:

- Tiền thân của công ty Cổ phần Petec Bình Định là công ty Thương Nghiệp Tổng Hợp Bình Định. Thực hiện theo Nghị định số 338/CP của Chính Phủ về việc sắp xếp lại các doanh nghiệp Nhà nước, được sự đồng ý của Bộ Thương Mại: công ty Thương nghiệp Tổng hợp Bình Định được thành lập ngày 21/03/1991 theo Quyết định số 290/QĐ-UB của Ủy Ban Nhân Dân (UBND) Tỉnh Bình Định trên cơ sở hợp nhất giữa hai Cty: Công ty Công nghệ phẩm Bình Định và công ty Vật liệu xây dựng Bình Định dưới sự chỉ đạo và quản lý trực tiếp của Sở Thương Mại và Du Lịch Bình Định.
- Căn cứ Nghị định số 44/1998/NĐ-CP ngày 29/06/1998 của Chính Phủ về việc chuyển doanh nghiệp Nhà nước thành công ty cổ phần, nhằm thích ứng với môi trường kinh doanh, đảm bảo khả năng phát triển lâu dài của Công ty, ngày 14/5/2001, UBND Tỉnh Bình Định ra quyết định số 35/2001/QĐ-UB về việc chuyển công ty Thương nghiệp Tổng hợp Bình Định thành Công ty Cổ phần Thương mại Bình Định, với vốn điều lệ là: 7.319.400.000 đồng.

- Ngày 08/9/2006, Đại hội đồng cổ đông bất thường đã nhất trí thông nhất phương án tăng vốn điều lệ, theo đó vốn điều lệ của Công ty tăng từ 7.319.400.000 đồng lên thành 15.000.000.000 đồng (tức tăng 104,93%), tương đương 1.500.000 cổ phần.
- Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2007 (ngày 14/4/2007), đã thông qua và thông nhất đổi tên từ Cổ phần Thương mại Bình Định thành Công ty Cổ phần Petec Bình Định, đồng thời, tăng vốn điều lệ từ 15.000.000.000 đồng lên thành 30.600.000.000 đồng (tức tăng 104%), tương đương 3.060.000 cổ phần.

2. Quá trình phát triển:

2.1- Ngành nghề hoạt động chính yếu:

- Kinh doanh xăng dầu, mỡ phụ, hoá chất, khí đốt, các chế phẩm từ dầu mỏ;
- Kinh doanh xi-măng, vật liệu xây dựng – trang trí nội thất, phân phối hàng tiêu dùng, vật tư nông nghiệp, v.v...
- Kinh doanh ô tô, kim khí điện máy;
- Dịch vụ cho thuê mặt bằng, kho bãi;
- Đầu tư tài chính;
- Sản xuất và kinh doanh nước tinh khiết

2.2- Tình hình hoạt động:

a/. Tổng quan hoạt động – phát triển:

Với chỉ hơn tám năm từ khi chuyển sang hình thức cổ phần hoá, Công ty Cổ phần Petec Bình Định (Petec Bidico) đã có những bước tiến chắc chắn và nhiều triển vọng. Từ việc cải cách bộ máy hoạt động trong những năm đầu đến việc tiếp cận thị trường một cách hiệu quả, nâng cao sức cạnh tranh, đến nay thương hiệu PETEC BIDICO (mà trước đây là BITRACO) đã được biết đến như một Công ty mạnh mẽ trong lĩnh vực phân phối các sản phẩm VLXD, xăng dầu PETEC, cũng như các sản phẩm tiêu dùng khác tại thị trường Bình Định, Phú Yên và các tỉnh Tây Nguyên.

Ba năm đầu tiên kể từ tháng 5 năm 2001, Công ty gặt hái những kết quả thật sự khích lệ. Nếu so với ba năm trước cổ phần, thì mức tăng trưởng hàng năm của giai đoạn này luôn đạt từ 15% - 20%/năm. Thương hiệu của Công ty cũng như thương hiệu xăng dầu PETEC và các loại xi-măng như ChinFon, Phúc Sơn, Nghi Sơn,... đã trở nên gần gũi, có chỗ đứng vững chắc trên thị trường; Mức thu nhập bình quân của người lao động tăng gấp rưỡi so với 3 năm trước cổ phần. Đến 31/12/2008 Công ty đã bổ sung thêm 423,8% vốn kinh doanh (từ 7,2 tỷ năm 2001 lên 30,6 tỷ năm 2007), trong khi vẫn đảm bảo tỷ suất lợi tức cổ phần 20%/năm. Các chỉ tiêu về doanh thu và lợi nhuận đều có mức tăng rất tốt. Đời sống CBCNV được nâng cao, thu nhập ổn định, ý thức - trách nhiệm, tinh thần làm chủ cũng như độ gắn kết của người lao động đối với Công ty được nâng lên đáng kể.

Những kết quả của 5 năm gần đây:

Trong năm	2004	2005	2006	2007	2008	Tốc độ tăng trưởng hàng năm
Tổng doanh thu (tỷ VND)	275,36	356,48	435,97	748,88	951,82	37,66%
Tổng tài sản (tỷ VND)	38,24	47,63	68,08	151,47	78,05	35,38%
Vốn điều lệ (tỷ VND)	7,32	7,32	8,6	24,75	30,60	57,23%
Lợi nhuận trước thuế (tỷ VND)	1,63	3,51	2,62	9,18	23,28	123,60%
Lợi nhuận sau thuế (tỷ VND)	1,14	2,53	1,88	6,64	17,19	127,12%
Chỉ số lợi nhuận ròng trên tài sản ROA(%)	2,97	5,31	2,77	4,38	22,03	-
Lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu ROE(%)	15,57	22,69	17,77	20,04	44,79	-
Tỷ suất lợi tức cổ phần (%)	13,2	16	16	20,00	20,00	-

Do ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu, kinh tế Thế Giới có dấu hiệu suy giảm mạnh từ cuối quý II năm 2008, đã ảnh hưởng lớn đến nhiều mặt hoạt động của doanh nghiệp. Từ giữa năm 2008, nền kinh tế Việt Nam gặp khó khăn khi lạm phát gia tăng, kinh tế suy giảm, lãi suất vay liên tục tăng cao, sản xuất kinh doanh ngưng trệ,... ảnh hưởng đáng kể đến hoạt động đầu tư, phát triển Công ty. Tuy nhiên với những cố gắng lớn, công tác dự báo và điều chỉnh hoạt động hợp lý, đến cuối năm 2008, hầu như các mục tiêu chiến lược của Công ty đều hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch, cụ thể:

- Tiếp tục giữ vững thị phần các mặt hàng truyền thống là xăng dầu PETEC và xi-măng các loại. Mở rộng và kinh doanh các ngành hàng như: kinh doanh ô tô các loại, kim khí điện máy, phân phối các sản phẩm phục vụ nhu cầu tiêu dùng. Xem việc bảo đảm chất lượng hàng hoá, năng lực phục vụ là yếu tố quyết định.
- Sau chuỗi thời gian nâng cấp, xây mới hệ thống mặt bằng, cơ sở vật chất hiện có (tổng diện tích Công ty hiện sở hữu quyền sử dụng đất tương đương 20 ngàn m² trên địa bàn thành phố). Các mặt bằng đều hoạt động tốt và phát huy lợi thế thương mại. Mục tiêu cơ cấu dịch chuyển tỷ trọng dịch vụ trong cơ cấu hoạt động của doanh nghiệp được làm tốt..
- Đặc biệt công tác cán bộ trong đó tuyển dụng và đào tạo là 2 giải pháp hàng đầu nhằm nâng cao chất lượng lao động, phù hợp với yêu cầu thực tiễn.

b/. Tổng quan các ngành hàng chính yếu của Công ty:

• Kinh doanh xăng dầu:

Với thế mạnh bán buôn, bán lẻ các loại xăng dầu, Công ty đã có hơn 40 đại lý và cửa hàng xăng dầu được phân bố rộng khắp các huyện, thành phố trong tỉnh Bình Định; và các nhà máy nhiệt điện ở các tỉnh phía Nam. Số lượng bán ra đạt 70 triệu lít/năm.

Hệ thống kho chứa và Trạm trung chuyển xăng dầu 1.600 tấn tại Cảng Quy Nhơn (được Cục Hàng hải Việt Nam công nhận nằm trong hệ thống cảng biển quốc gia) hoạt động hiệu quả giúp chủ động được nguồn hàng cung cấp cho các đại lý.

• **Kinh doanh xi măng, VLXD - trang trí nội thất:**

Là nhà phân phối chính thức cho các Nhà máy sản xuất xi-măng nổi tiếng như: Nghi Sơn, ChinFon, Hà Tiên 1, Hoàng Mai, Phúc Sơn, Cẩm Phả. Có mạng lưới tiêu thụ rộng khắp địa bàn tỉnh Bình Định và 3 tỉnh Phú Yên, Gia Lai, Kon Tum. Số lượng xi măng bán ra đạt 250 ngàn tấn/năm.

• **Kinh doanh ô tô:**

Xe tải các loại: CUU LONG, VINAXUKI, DAMCO, JRD, KAMAZ, LIFAN, SÔNG HỒNG, FOTON... Có 3 showroom tại Quy Nhơn (389 Trần Hưng Đạo, 1151 Trần Hưng Đạo, 35 Tây Sơn); và nhiều điểm bán hàng tại các tỉnh Tây nguyên. Số lượng bán ra hàng năm đạt 250 - 300 chiếc.

• **Điện tử - Điện máy:**

Chuyên cung cấp các mặt hàng điện tử, điện máy, điện gia dụng của các hãng nổi tiếng như Sony, Toshiba, LG, Samsung, Panasonic... Sản phẩm đa dạng, giá cả hợp lý, cộng với phong cách phục vụ nhiệt tình, chu đáo, ngành hàng này đang tạo được uy tín tại thị trường Bình Định.

• **Dịch vụ cho thuê mặt bằng - kho bãi:**

Tổng diện tích mặt bằng của công ty trên 20 ngàn m², trong đó diện tích kho bãi chiếm hơn 50%, chủ yếu tập trung ở cụm cảng Quy Nhơn.

• **Trung tâm phân phối hàng tiêu dùng:**

Chuyên cung cấp các mặt hàng tiêu dùng, nông sản thực phẩm, vật tư nông nghiệp, thuốc lá, hàng công nghệ phẩm.

• **Nước uống tinh khiết PETEC:**

Được tinh lọc theo quy trình khép kín qua 12 công đoạn theo công nghệ Hoa Kỳ. Sản phẩm này có mặt khắp thị trường Bình Định, các tỉnh Tây Nguyên và TP Hồ Chí Minh, đặc biệt được nhiều người tin dùng.

3. Định hướng phát triển:

a/. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

- Tiếp tục khẳng định thương hiệu PETEC BIDICO như một thương hiệu mạnh trong lĩnh vực phân phối hàng hoá tại thị trường Miền Trung Tây nguyên và các tỉnh phía Nam;
- Nghiên cứu và tiếp cận từng bước nhằm đạt hiệu quả mong muốn đối với mô hình dịch vụ thương mại hiện đại.
- Phân đầu đảm bảo mức chia cổ tức hàng năm đạt từ 16 đến 20%;

b/. Chiến lược phát triển:

- Tiếp tục phát triển mạnh các ngành hàng chủ lực như xi-măng, xăng dầu Petec, ô tô các loại, kim khí điện máy, bao gồm: mở rộng thị phần, đa dạng nguồn hàng cung cấp, tăng cường hệ

thống cung ứng như kho bãi, nâng cao chất lượng dịch vụ, tạo niềm tin cho tất cả các Nhà sản xuất có nhu cầu.

- Xây dựng đội ngũ nhân sự trẻ, có trình độ và kinh nghiệm nhằm nâng động hoá các lĩnh vực kinh doanh then chốt.
- Trên cơ sở các kế hoạch đã hoạch định từ năm 2007, yêu cầu thực tế của Công ty, hiện trạng nền kinh tế, các nội dung đầu tư trong thời gian đến sẽ gồm:
 - o Hoàn thiện công trình Trung tâm thương mại Petec Bidico và đưa vào hoạt động trong năm 2009;
 - o Xây dựng thêm hai Cửa hàng bán lẻ xăng dầu, phát triển khâu bán lẻ;
 - o Nghiên cứu lập phương án tiền khả thi, xây dựng một showroom ô tô lớn phù hợp với các nhu cầu phát triển kinh doanh ngành hàng này.

II. Báo cáo của Hội đồng quản trị

1. Những nét nổi bật của kết quả hoạt động năm 2008:

Kết quả hoạt động kinh doanh tăng qua từng năm. Năm 2008, tổng lợi nhuận sau thuế đạt 17,2 tỷ đồng. Kết quả này cho thấy sự cố gắng vươn lên qua từng năm của Ban lãnh đạo Công ty, của tập thể CBCNV, sử dụng một cách hiệu quả nhất đồng vốn của Công ty.

Thương hiệu của Công ty tiếp tục được khẳng định: Song song với kết quả kinh doanh khả quan của Công ty các năm qua, quan điểm “TRAO NIỀM TIN – CÙNG PHÁT TRIỂN” là yếu tố trọng yếu trong việc mang đến lợi ích cho tất cả các bên, cả thị trường (người tiêu dùng) lẫn các nhà cung cấp, nhà sản xuất. Các Trung tâm của Công ty, cùng thương hiệu phân phối xi-măng, phân phối xăng dầu dưới hình thức bán buôn đã là địa chỉ tin cậy trên thị trường cả nước.

2. Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

Năm 2008, tổng doanh số Công ty thực hiện đạt 952 tỷ, vượt 27% so với thực hiện năm 2007, trong đó:

- Vật liệu xây dựng vượt 28,8% so với thực hiện 2007;
- Xăng dầu vượt 31,3% so với thực hiện 2007;
- Ô tô vượt 33,8% so với thực hiện 2007;

Lợi nhuận ròng đạt 17 tỷ 193 triệu gấp 2,6 lần so với thực hiện 2007. Công ty tạm chia cổ tức năm 2008 cho cổ đông đạt 20%.

3. Những thay đổi chủ yếu trong năm:

Không có.

4. Triển vọng và kế hoạch trong giai đoạn sắp đến:

Sau thời kỳ khủng hoảng sâu, tình hình kinh tế Thế Giới năm 2009 được dự báo sẽ chính thức rơi vào giai đoạn suy thoái.

Kinh tế Việt Nam sau một vài năm tăng trưởng mạnh mẽ, đã phải bắt đầu đối mặt với một số thử thách do nền kinh tế quá nóng. Cũng vào lúc này, với sự suy thoái kinh tế toàn cầu, kinh tế trong nước tất yếu sẽ chịu ảnh hưởng xấu nhất định.

Trong bối cảnh đó, hoạt động kinh doanh thuần về thương mại của Công ty năm 2009 được dự báo là rất khó khăn.

- **Về yếu tố ngành hàng:** Các ngành hàng chủ lực của ta như xăng dầu, xi-măng, ô tô không thuộc vào nhóm hàng có mức độ suy giảm mạnh trong năm 2009. Tuy nhiên với sự giảm sút chung của thị trường, việc kinh doanh các ngành hàng của Công ty năm 2009 sẽ không mạnh mẽ như các năm trước, song cơ bản vẫn giữ được mức độ ổn định.
- **Về yếu tố cạnh tranh:** Mặc dù có những thuận lợi về tính truyền thống trong các ngành hàng mà Công ty hiện đang kinh doanh, song với việc thị trường xây dựng cơ bản nói riêng và nền kinh tế nói chung liên tục nóng các năm qua, kéo theo hàng loạt các Nhà máy, kênh phân phối, hình thức dịch vụ,... ra đời, nguồn cung năm 2009 có thể nói sẽ dồi dào nhất từ trước đến nay. Như vậy tình hình cạnh tranh năm 2009 sẽ trở nên khốc liệt cả về hình thức lẫn mức độ, trong đó tác động trọng yếu vẫn là đối với các ngành hàng chiến lược như xăng, xi-măng, ô tô,... Công ty sẽ phát huy tối đa nội lực và những ưu thế sẵn có trong giai đoạn này.

III. Báo cáo của Ban Tổng giám đốc:**1. Báo cáo tính hình tài chính:**

Trong năm 2008, Công ty tiếp tục thực hiện mục tiêu chuyển dịch cơ cấu tài sản Công ty theo hướng tạo thanh khoản tốt hơn cho hoạt động, đồng thời linh hoạt hơn trong sử dụng vốn.

Một số chỉ tiêu tài chính:

< Biểu số 3 >

Chỉ tiêu		Năm 2008	Năm 2007	Năm 2006
<u>Cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn</u>				
<i>Cơ cấu tài sản</i>				
Tài sản ngắn hạn / Tổng tài sản	%	71,4	89,6	81,2
Tài sản dài hạn / Tổng tài sản	%	28,6	10,4	18,8
<i>Cơ cấu nguồn vốn</i>				
Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn	%	43,8	78,1	74,9
Nguồn vốn CSH / Tổng nguồn vốn	%	55,9	21,9	24,9

Nợ phải trả / Nguồn vốn CSH	%	77,8	357	298,9
<u>Khả năng thanh toán</u>				
Hệ số thanh toán hiện thời	lần	1,67	1,16	1,09
Hệ số thanh toán nhanh	lần	0,09	0,03	0,02
<u>Chỉ tiêu năng lực hoạt động</u>				
Hiệu suất sử dụng vốn cố định	đồng	95,1	72	31
<u>Tỷ suất sinh lợi</u>				
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế / Doanh thu	%	2,4	1,2	0,6
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần	%	1,8	0,9	0,4
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế / Tổng tài sản	%	29,8	6,1	3,8
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản	%	22,0	4,4	2,77
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Tổng vốn CSH	%	56,2	21,6	12,56

Giá trị sổ sách tại thời điểm báo cáo:

Kết thúc ngày 31/12/2008, tổng tài sản công ty có: **78 tỷ 047 triệu** giảm 48,9% so với thời điểm cuối năm trước. Giá trị giảm là do các khoản công nợ phải thu, hàng tồn kho được rút xuống trên 40%, các khoản phải trả cho nhà cung cấp cũng tương ứng giảm, đồng thời, nguồn vốn chủ sở hữu có mức gia tăng khá. Giá trị tài sản cuối năm này so với cuối năm trước như sau:

STT	Nội dung	Số dư đầu năm	Số dư cuối năm
I	Tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn	55.694.868.727	135.746.038.736
II	Tài sản cố định và đầu tư tài chính dài hạn	22.352.388.897	15.725.970.498
III	Tổng tài sản	78.047.257.624	151.472.009.234
I	Nợ phải trả	34.152.182.373	118.328.274.442
II	Nguồn vốn chủ sở hữu	43.895.075.251	33.143.734.792
VI	Tổng nguồn vốn	78.047.257.624	151.472.009.234

Những thay đổi về vốn cổ đông:

Vốn điều lệ: 30,6 tỷ đồng.

Trong năm có thay đổi về vốn cổ đông.

Về việc chia lãi cổ phần năm 2008:

Tổng lợi nhuận sau thuế toàn Công ty đạt **17,19 tỷ 282 triệu**.

Trong năm Công ty tạm chia cổ tức cho các cổ đông với mức tỷ suất lợi tức 20%. Tổng số tiền đã tạm chia là **6 tỷ 120 triệu đồng**.

2. Báo tính hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

Từ những cố gắng nỗ lực của từng ngành hàng nói trên, năm 2008, kết quả kinh doanh của toàn Công ty đã đạt được những thành quả đáng khích lệ, cụ thể:

CÁC CHỈ TIÊU	ĐVT	Thực hiện 2008	So với Kế Hoạch	So với Thực hiện 2007
DOANH SỐ	Tr.đồng	951.823	95,16%	127,1%
- Doanh thu tiêu thụ hàng hoá	-	948.175	94,96%	127,38%
- Doanh thu tiêu thụ thành phẩm	-	1.161	278,78%	231,35%
- Doanh thu dịch vụ	-	2.486	177,14%	62,09%
Các khoản giảm trừ	-	88	-	16833,14%
- Giảm giá	-	-	-	0%
- Chiết khấu hàng bán	-	-	-	0%
- Hàng bị trả lại	-	88	-	16833,14%
Doanh thu thuần	-	951.734	95,17%	127,09%
Giá vốn hàng bán	-	895.470	93,61%	124,23%
Chiết khấu hàng mua	-	-	0%	0%
Lợi nhuận gộp	-	56.265	114,42%	200,38%
Doanh thu hoạt động tài chính	-	1.475	-	152,77%
Chi phí hoạt động tài chính	-	8.113	134,51%	189,2%
- Trong đó lãi vay 0,875%	-	7.805	129,4%	182,01%
Chi phí bán hàng	-	26.569	78,74%	141,78%
Trích lập sự phòng	-	-	-	0%
Chi phí Quản lý Doanh nghiệp	-	4.878	243,9%	130,75%
Lợi tức thuần từ HĐKD	-	18.180	237,12%	795,3%
Thu nhập khác	-	5.386	-	77,68%
Chi phí khác	-	284	-	672,92%
Lợi tức khác	-	5.102	-	74,04%
Tổng lợi tức trước thuế	-	23.282	303,67%	253,71%
Thuế lợi tức phải nộp	-	6.090	283,67%	239,61%
Lợi nhuận sau thuế	-	17.193	311,44%	259,1%
Tỷ suất LN sau thuế trên Vốn ĐL	%	56,18	311,44%	204,06%
Tỷ suất lợi tức cổ phần	%	20,00	117,64%	100%
PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	Tr.đồng			
Quỹ đầu tư - phát triển	-	3.439		
Quỹ dự phòng		860		
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	1.858		
Lợi nhuận còn lại chưa phân phối	-	4.916		
Chia L.Doanh và các nghĩa vụ khác	-	-		
Lợi tức chia cho cổ phần	-	6.120	100%	100%
KẾ HOẠCH L.ĐỘNG/TIỀN LƯƠNG				
Tổng lao động trong danh sách	người	132	103,94%	96,97%
Lao động bình quân	người	132	103,94%	96,97%
Thu nhập bình quân tháng	đ/ng/tháng	3.883.800	161,83%	156,41%

3. Kế hoạch phát triển trong năm 2009:**a/.Kế hoạch kinh doanh:**

Trên cơ sở những nhận định trên, kế hoạch SX-KD của Công ty được xây dựng và trình Đại Hội đồng Cổ đông như sau:

- Giữ vững thị trường trước hàng loạt các nhãn hiệu xi-măng mới thâm nhập. Đảm bảo được sản lượng bán ra đạt trên 200 ngàn tấn.
- Nâng cao chất lượng bán hàng gồm: *chất lượng hàng, dịch vụ trong cung cấp, thanh toán;*
- Khâu quản lý công nợ phải được thắt chặt hơn nữa trên cơ sở định mức đã xây dựng và vòng quay vốn đảm bảo hiệu quả.
- Theo dõi sát diễn biến kích cầu và những điều chỉnh có thể xảy ra của Chính phủ nhằm tránh việc thụ động trước những thay đổi liên quan đến thuế, phí;
- Liên kết chặt chẽ với Nhà sản xuất để mở rộng đầu tư kho bãi, showroom đạt chuẩn về chất lượng.

b/.Kế hoạch đầu tư:

- Hoàn thiện công trình Trung tâm thương mại Petec Bidico và đưa vào hoạt động trong năm 2009;
- Xây dựng thêm hai Cửa hàng bán lẻ xăng dầu, phát triển khâu bán lẻ;
- Nghiên cứu lập phương án tiền khả thi, xây dựng một showroom ô tô lớn phù hợp với các nhu cầu phát triển kinh doanh ngành hàng này.

c/.Kế hoạch doanh số và lợi nhuận:

CÁC CHỈ TIÊU	DVT	Kế hoạch Năm 2009
DOANH SỐ SẢN XUẤT / MUA VÀO	Tr.đồng	869.486
DOANH THU	Tr.đồng	896.727
DT TIÊU THU THÀNH PHẨM	Tr.đồng	1.255
Nước tinh khiết	lít	20.656.400
DT TIÊU THU HÀNG HOÁ	Tr.đồng	894.294
Xi-măng	Tr.đồng	213.455
- Tr.đó lượng bán ra	tấn	210.000
Xăng dầu	Tr.đồng	514.771
Phương tiện vận tải	Tr.đồng	58.550
- Xe tải các loại	chiếc	280
- Xe du lịch	chiếc	10
Điện máy	Tr.đồng	24.000
Hàng công nghệ phẩm	Tr.đồng	83.518

- Trong đó Thuốc lá	1000 gói	10.550
D.THU DỊCH VỤ CHO THUÊ M.BẢNG CÔNG TY	Tr.đồng	1.178
KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH		
Tổng doanh số	Tr.đồng	896.727
- Doanh thu tiêu thụ hàng hoá	-	894.294
- Doanh thu tiêu thụ thành phẩm	-	1.255
- Doanh thu dịch vụ	-	1.178
Các khoản giảm trừ	-	150
- Giảm giá	-	150
- Chiết khấu hàng bán	-	-
- Hàng bị trả lại	-	-
Doanh thu thuần	-	896.577
Giá vốn hàng bán	-	869.486
Chiết khấu hàng mua	-	1.460
Lợi nhuận gộp	-	28.551
Doanh thu hoạt động tài chính	-	287
Chi phí hoạt động tài chính	-	4.920
- Trong đó lãi vay 0,875%	-	4.920
Chi phí bán hàng	-	14.953
Trích lập sự phòng	-	-
Chi phí Quản lý Doanh nghiệp	-	2.400
Lợi tức thuần từ HĐKD	-	6.564
Thu nhập khác	-	-
Chi phí khác	-	-
Lợi tức khác	-	-
Tổng lợi tức trước thuế	-	6.564
Thuế lợi tức phải nộp	-	1.641
Lợi nhuận sau thuế	-	4.923
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên Vốn ĐL	%	16,09
Tỷ suất lợi tức cổ phần	%	15,00
PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN		
	Tr.đồng	
Quỹ đầu tư - phát triển	-	250
Quỹ dự phòng	-	-
Quỹ khen thưởng	-	50
Quỹ phúc lợi	-	33
Chia liên doanh và các nghĩa vụ khác	-	-
Lợi tức chia cho cổ phần	-	4.590
KẾ HOẠCH LAO ĐỘNG/TIỀN LƯƠNG		
Tổng lao động trong danh sách	người	136
Lao động bình quân	người	132
Thu nhập bình quân tháng	đ/ng/tháng	3.500.000

IV. Báo cáo tài chính:

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 (Đã kiểm toán)

Đơn vị tính : Việt Nam Đồng

TÀI SẢN	Mã số	Số cuối năm	Số đầu năm
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)		78.047.257.624	151.472.009.234
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100	55.694.868.727	135.746.038.736
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	3.066.983.524	3.727.820.503
1. Tiền	111	3.066.983.524	3.727.820.503
2. Các khoản tương đương tiền	112		
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		
1. Đầu tư ngắn hạn	121		
3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		
III. Các khoản phải thu	130	41.151.093.533	82.647.801.374
1. Phải thu khách hàng	131	37.527.440.603	76.257.850.238
2. Trả trước cho người bán	132	3.706.680.342	6.826.250.080
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		
5. Các khoản phải thu khác	138	779.890.687	348.171.798
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139	(862.918.099)	(784.470.742)
IV. Hàng tồn kho	140	10.679.192.079	46.586.918.342
1. Hàng tồn kho	141	10.722.584.569	46.630.310.832
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149	(43.392.490)	(43.392.490)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	797.599.591	2.783.498.517
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	195.858.618	2.187.505.506
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	152		
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	601.740.973	595.993.011
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200	22.352.388.897	15.725.970.498
I. Các khoản phải thu dài hạn	210	-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc			
3. Phải thu dài hạn nội bộ	212		
4. Phải thu dài hạn khác	213		
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		
II. Tài sản cố định	220	16.401.919.473	11.184.087.252
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9.141.700.670	10.879.125.662
- Nguyên giá	222	19.466.399.042	19.435.971.016
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223	(10.324.698.372)	(8.556.845.354)

2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		
- Nguyên giá	225		
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		
3. Tài sản cố định vô hình	227	38.888.136	105.000.000
- Nguyên giá	228	46.665.763	105.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229	(7.777.627)	
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	7.221.330.667	199.961.590
III. Bất động sản đầu tư	240		
1. Nguyên giá	241		
2. Hao mòn lũy kế (*)	242		
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.222.294.000	3.630.604.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		
3. Đầu tư dài hạn khác	258	5.530.604.000	3.630.604.000
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đ.tư dài hạn (*)	259	(308.310.000)	
V. Tài sản dài hạn khác	260	728.175.424	911.279.246
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	418.175.424	703.762.882
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		21.916.364
3. Tài sản dài hạn khác	268	310.000.000	185.600.000
NGUỒN VỐN		78.047.257.624	151.472.009.234
A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300	34.152.182.373	118.328.274.442
I. Nợ ngắn hạn	310	33.316.736.556	117.309.339.091
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	15.187.478.795	53.020.060.009
2. Phải trả cho người bán	312	9.141.190.985	56.513.569.682
3. Người mua trả tiền trước	313	250.507.250	2.016.806.685
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	2.738.870.768	991.990.179
5. Phải trả người lao động	315	4.983.146.201	1.156.711.668
6. Chi phí phải trả	316	92.113.600	78.272.727
7. Phải trả nội bộ	317		
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	923.428.957	3.531.928.141
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		
II. Nợ dài hạn	330	835.445.817	1.018.935.351
1. Phải trả dài hạn người bán	331		
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		
3. Phải trả dài hạn khác	333	757.912.778	922.668.000
4. Vay và nợ dài hạn	334		
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	77.533.039	96.267.351
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400	43.895.075.251	33.143.734.792

I. Vốn chủ sở hữu	410	43.648.358.827	33.127.475.756
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	30.600.000.000	30.600.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414		
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	1.104.126.018	502.549.811
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	871.713.532	541.021.300
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420	11.072.519.277	1.483.904.645
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	246.716.424	16.259.036
1. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	431	246.716.424	16.259.036
2. Nguồn kinh phí	432		
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		

V. Bảng giải trình kế toán tài chính và báo cáo kiểm toán

1. Kiểm toán độc lập:

a. Đơn vị kiểm toán độc lập:

Công ty TNHH kiểm toán và Kế toán AAC là đơn vị được chọn để kiểm toán tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Petec Bình Định kỳ kế toán từ 01/01/2008 đến 31/12/2008.

b. Ý kiến của kiểm toán độc lập:

“Theo ý kiến chúng tôi, xét trên mọi khía cạnh trọng yếu thì các Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2008 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính 2008, phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành”.

2. Kiểm toán nội bộ:

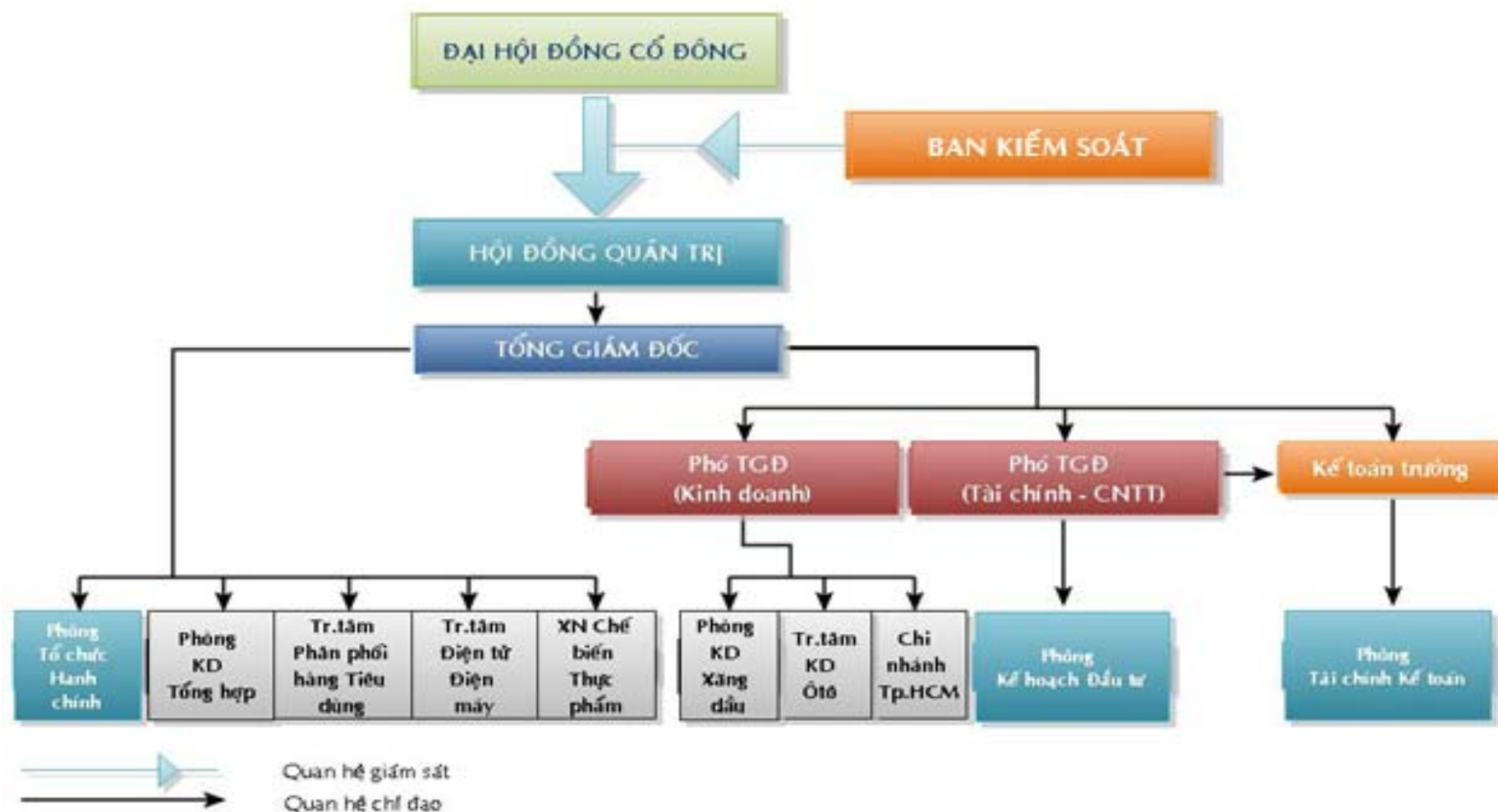
“Báo cáo tài chính của tại thời điểm 31/12/2008 đã phản ánh trung thực mọi hoạt động của Công ty năm 2008, tuân thủ đầy đủ các quy định – trình tự và nguyên tắc tài chính”.

VI. Các công ty có liên quan:

- Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần/vốn góp của tổ chức, công ty: không có
- Công ty có trên 50% vốn cổ phần/vốn góp do tổ chức, công ty nắm giữ: không có

VII. Tổ chức và nhân sự:

CƠ CẤU TỔ CHỨC CÔNG TY PETEC BIDICO



Hội đồng Quản trị công ty:

Được đại hội đồng cổ đông bầu ra gồm 6 thành viên với nhiệm kỳ là 5 năm (theo điều lệ từ 5 - 7 thành viên). Các thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với nhiệm kỳ không hạn chế. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông Công ty. Hội đồng quản trị bầu ra 1 chủ tịch. Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm xây dựng các kế hoạch sản xuất kinh doanh mang tính chiến lược tổng quát và đảm bảo các kế hoạch được thực hiện thông qua Ban Tổng Giám Đốc. Bên cạnh đó ban kiểm soát cũng là một cơ quan quản trị với nhiệm vụ thay mặt Đại hội đồng cổ đông kiểm tra, giám sát, theo dõi mọi hoạt động của HĐQT và ban điều hành cũng như báo cáo và chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ và pháp luật.

Ban Tổng Giám đốc:

Ban tổng giám đốc gồm 3 thành viên, 01 Tổng giám đốc, 02 Phó Tổng Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm là cơ quan tổ chức điều hành, quản lý mọi hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty theo mục tiêu định hướng, kế hoạch mà HĐQT, ĐHĐCĐ đã thông qua. Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật chịu trách nhiệm hoàn toàn các hoạt động điều hành sản xuất kinh doanh hàng ngày của công ty, giúp việc cho Tổng Giám đốc là các Phó Tổng giám đốc. Tổng Giám đốc công ty sẽ căn cứ vào khả năng và nhu cầu quản lý để thực hiện việc ủy quyền một số quyền hạn nhất định cho các thành viên trong Ban Tổng Giám đốc về những công việc điều hành chuyên môn.

Dựa trên quy mô, ngành nghề và thị trường, cơ cấu tổ chức của Công ty hiện nay được phân chia theo chức năng, bao gồm:

- Ban Tổng Giám đốc công ty;
- Phòng Tài chính - kế toán;
- Phòng Tổ chức - Hành chính;
- Phòng Kế hoạch - Đầu tư;
- Phòng kinh doanh tổng hợp (Chủ yếu là VLXD);
- Phòng kinh doanh xăng dầu;
- Trung tâm kinh doanh ô tô;
- Trung tâm Điện máy - Điện tử;
- Trung tâm phân phối hàng tiêu dùng;
- Chi nhánh Tp.Hồ Chí Minh;
- Xí nghiệp Chế biến Thực phẩm Quy Nhơn;

Đứng đầu các bộ phận này là các trưởng phòng, Giám đốc Trung tâm, Xí nghiệp và chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Ban Giám đốc. Ngoài ra, trong công ty còn có các tổ chức đoàn thể chính trị Chi bộ, Công đoàn và Đoàn thanh niên hoạt động trên cơ sở luật pháp của Nhà Nước và Điều lệ của các tổ chức này.

Nhân sự:

Tổng số nhân sự toàn công ty có đến cuối năm tài chính là 132 người. Trong đó nhân viên quản lý 23 người.

VIII. Thông tin cổ đông và quản trị Công ty:**1. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng:**• **Hội đồng quản trị**

Ông Nguyễn Anh Kiệt	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 11/5/2006
Ông Nguyễn Trọng Phát	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 18/8/2004
Ông Lương Duy Vân	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 18/8/2004
Ông Võ Hữu Tánh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 18/8/2004
Ông Huỳnh Lạc	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 18/8/2004
Bà Đỗ Khoa Mỹ Linh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 18/8/2004

• **Ban kiểm soát**

Ông Huỳnh Đức Trường	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 18/8/2004
Ông Nguyễn Đức Linh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 18/8/2004
Bà Phạm Thị Năm	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 18/8/2004
Ông Nguyễn Văn Ánh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 18/8/2004
Ông Nguyễn Văn Phàn	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 08/5/2008
		Bổ nhiệm ngày 08/5/2008

• **Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng**

Ông Nguyễn Trọng Phát	Tổng giám đốc	Bổ nhiệm ngày 18/8/2004
		Tái bổ nhiệm ngày 16/01/2008
Ông Lương Duy Vân	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 18/8/2004
		Tái bổ nhiệm ngày 16/01/2008
Bà Đỗ Khoa Mỹ Linh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 16/01/2008
Bà Đỗ Khoa Mỹ Linh	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 18/8/2004
		Miễn nhiệm ngày 16/01/2008
Ông Võ Đình Huy	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 16/01/2008

2. Các dữ liệu thông kê về cổ đông:**a/. Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 31/12/2008:**

- Tổng số cổ đông : 593 cổ đông.
- Tổng số cổ phần : 3.060.000 cổ phần, chiếm 100% vốn điều lệ.

- Cổ đông pháp nhân : 01 cổ đông, nắm giữ 965.200 cổ phần, chiếm 31,54%.
- Cổ đông thể nhân : 592 cổ đông, nắm giữ 2.094.800 cổ phần, chiếm 68,46%.
- Cổ đông là Nhà nước : Không có.
- Cổ đông là CBCNV : 118 cổ đông, nắm giữ 1.035.300 cổ phần, chiếm 33,83%.
- Cổ đông ngoài DN : 155 cổ đông, nắm giữ 2.024.700 cổ phần, chiếm 66,17%.

- Cổ đông sở hữu vốn điều lệ:
 - Trên 5% : 01 cổ đông, nắm giữ 965.200 cổ phần, chiếm 31,54%.
 - Từ 2% đến dưới 5% : 04 cổ đông, nắm giữ 345.800 cổ phần, chiếm 11,3%.
 - Từ 1% đến dưới 2% : 04 cổ đông, nắm giữ 177.800 cổ phần, chiếm 5,81%.
 - Dưới 1% : 584 cổ đông, nắm giữ 1.571.200 cổ phần, chiếm 51,35%.

b/. Tình hình giao dịch của các cổ đông lớn:

Không có.

Trên đây là toàn bộ báo cáo tổng kết hoạt động sản xuất – kinh doanh, hoạt động tài chính năm 2008, và phương hướng kế hoạch hoạt động năm 2009 của Công ty CP Petec Bình Định.

Tp. Quy Nhơn, ngày 28 tháng 3 năm 2009

CÔNG TY CỔ PHẦN PETEC BÌNH ĐỊNH

TỔNG GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:

- UBCKNN;
- Lưu HĐQT – Công ty

(đã ký)

Nguyễn Trọng Phát